

**Phụ lục 14: BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ**  
**Thực trạng công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai**  
**đoạn 2021 - 2025, định hướng giai đoạn 2026-2030**

**I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC**  
**GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai, thực hiện**

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương tập trung cao trong thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo. Hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai Chương trình được ban hành kịp thời, đầy đủ, tạo cơ sở để người dân tiếp cận, thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội, góp phần giảm nghèo bền vững<sup>1</sup>. Cùng với cấp ủy, chính quyền, mặt trận, các hội, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tích cực vào cuộc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức đã phát huy vai trò của mình trong công tác tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo, đưa các hoạt động giảm nghèo đi vào cuộc sống.

**2. Thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo**

\* Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025 theo chuẩn nghèo 2021-2025 (áp dụng chính sách cho năm 2026):

- Tổng số hộ nghèo: 8.280 hộ (17.294 khẩu), tỷ lệ 2,11 % ((giảm 2,47% so với năm 2021)). Trong tổng số hộ nghèo có 5.859 hộ nghèo không có khả năng lao động, chiếm 70,7%.

---

<sup>1</sup> Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 24/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; Nghị quyết số 72/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh về Quy định một số chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 74/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn Ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của Ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 79/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 122/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ, mức chi ngân sách Nhà nước, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2024 - 2025; Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 29/10/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 122/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 15/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 14/4/2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh...

- Tổng số hộ cận nghèo: 11.350 hộ (33.022 khẩu), tỷ lệ 2,9% (giảm 2,19% so với năm 2021). Trong tổng số hộ cận nghèo có 4.647 hộ cận nghèo không có khả năng lao động, chiếm 40,9%.

- Tỷ lệ nghèo đa chiều (bao gồm hộ nghèo và hộ cận nghèo): 19.630 hộ, (50.316 khẩu), tỷ lệ 5,01%.

*\* Phân tích các nguyên nhân nghèo*

Tình trạng nghèo trên địa bàn tỉnh xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm nguyên nhân chủ quan từ phía hộ nghèo và nguyên nhân khách quan từ điều kiện kinh tế - xã hội, cụ thể:

- Không có đất sản xuất: 1.288 hộ (509 hộ nghèo, 779 hộ cận nghèo), chiếm tỷ lệ 6,56% so với tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Không có vốn sản xuất, kinh doanh: 3.073 hộ (1.090 hộ nghèo, 1.983 hộ cận nghèo), chiếm tỷ lệ 15,65% so với tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Không có lao động: 8.679 hộ (4.665 hộ nghèo, 4.014 hộ cận nghèo), chiếm tỷ lệ 44,21% so với tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Không có công cụ, phương tiện sản xuất: 1.128 hộ (464 hộ nghèo, 664 hộ cận nghèo), chiếm tỷ lệ 5,75% so với tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Không có kiến thức sản xuất: 1.396 hộ (531 hộ nghèo, 865 hộ cận nghèo), chiếm tỷ lệ 7,11% so với tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Không có kỹ năng lao động, sản xuất: 2.006 hộ (784 hộ nghèo, 1.222 hộ cận nghèo), chiếm tỷ lệ 10,22% so với tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn: 7.024 hộ (3.234 hộ nghèo, 3.790 hộ cận nghèo), chiếm tỷ lệ 35,78% so với tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Nguyên nhân khác: 1.132 hộ (453 hộ nghèo, 679 hộ cận nghèo), chiếm tỷ lệ 5,77% so với tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo.

### **3. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ**

#### **3.1. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo**

Hà Tĩnh đã tập trung nghiên cứu, tham mưu xây dựng, ban hành các chính sách giảm nghèo đặc thù, tổ chức thực hiện mục tiêu giảm nghèo; đổi mới cách tiếp cận về giảm nghèo; tăng cường tin dụng chính sách xã hội cho người nghèo, trợ giúp xã hội đối với hộ nghèo không có khả năng lao động; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi; phát triển, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả; thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo, nâng cao thu nhập và bảo đảm các chiều dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin và dịch vụ xã hội khác...). Giai đoạn 2021 - 2025 đã kịp thời hỗ trợ các chính sách với tổng kinh phí 2.670,704 tỷ đồng, trong đó kinh phí ngân sách 1.600,233 tỷ đồng, kinh phí huy động xã hội hóa 1.010,471 tỷ đồng. Cụ thể:

- Chính sách hỗ trợ tiền điện: 66.775 lượt hộ nghèo với tổng kinh phí hơn 45,654 tỷ đồng.

- Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế: 521.415 đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông, lâm, ngư và diêm nghiệp có mức sống trung bình được hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế với tổng kinh phí hơn 1.302 tỷ đồng.

- Chính sách hỗ trợ học tập: 23,088 lượt học sinh phổ thông, trẻ mầm non, sinh viên là con em hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù học phí và hỗ trợ khác (học bổng khuyết tật hộ nghèo, hộ cận nghèo) với tổng kinh phí 13,696 tỷ đồng.

- Chính sách trợ giúp pháp lý: đã tổ chức thực hiện 687 cuộc truyền thông về trợ giúp pháp lý tại cơ sở. Thực hiện tư vấn, hướng dẫn tại trụ sở và cơ sở 1.505 vụ việc, trong đó có 119 vụ việc cho người nghèo thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

- Kết quả thực hiện một số chương trình tín dụng của Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tại Hà Tĩnh: Doanh số cho vay ưu đãi hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; vay học sinh, sinh viên; nhà ở hộ nghèo; vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn; vay giải quyết việc làm; vay đối tượng chính sách đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài; vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn; vay thương nhân tại vùng khó khăn... đạt 9,489 tỷ đồng.

- Hỗ trợ nhà ở: Hà Tĩnh đã thực hiện xây dựng, sửa chữa 11.724 nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và gia đình người có công với cách mạng, hộ có hoàn cảnh khó khăn với tổng nguồn lực huy động trên 836 tỷ đồng.

- Các chính sách hỗ trợ đột xuất khác: Nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm tỉnh Hà Tĩnh đã chỉ đạo các địa phương tổ chức rà soát và thăm hỏi, tặng quà cho người có công, người cao tuổi, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em mồ côi có hoàn cảnh khó khăn, người lao động. Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Hà Tĩnh đã trao tặng 1.223.341 suất quà với tổng kinh phí: 463.090.422 nghìn đồng, trong đó: ngân sách: 212.241.144 nghìn đồng, xã hội hóa: 250.849.268 nghìn đồng.

### 3.2. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo

Tổng kế hoạch vốn ngân sách giai đoạn 2021-2025: 286.583 triệu đồng (NSTW 252.583 triệu đồng, NSDP 34.529 triệu đồng). Đến 30/01/2026 đã giải ngân 237.520 triệu đồng (NSTW 207.398 triệu đồng, NSDP 30.122 triệu đồng), đạt 82,9%, bao gồm:

#### \* Vốn đầu tư phát triển

Dự án đầu tư sản giao dịch việc làm tại thành phố Hà Tĩnh do Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Hạ tầng khu vực tỉnh làm chủ đầu tư.

- Tổng kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025: 29.007 triệu đồng (NSTW: 12.007 triệu đồng; NSDP: 17.000 triệu đồng). Đến ngày 30/01/2026, đã giải ngân: 29.007 triệu đồng, đạt 100%.

#### \* Vốn sự nghiệp

- Tổng vốn ngân sách giai đoạn 2021-2025: 257.576 triệu đồng (NSTW 240.047 triệu đồng, NSDP 17.529 triệu đồng). Đến 30/01/2026 đã giải ngân

208.513 triệu đồng (NSTW 195.391 triệu đồng, NSĐP 13.122 triệu đồng), đạt 80,9%.

Cụ thể các dự án, tiểu dự án:

- Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Toàn tỉnh xây dựng, triển khai 623 dự án, trong đó có 619 dự án chăn nuôi (lợn, bò, gà, dê, ong...), 07 dự án trồng trọt (cây cam, bưởi), triển khai thực hiện tại các địa phương với 11.765 hộ tham gia. Kết quả cho thấy các mô hình đa dạng hóa sinh kế đã phát huy hiệu quả, góp phần tạo việc làm cho người dân, tăng thu nhập cho hộ gia đình.

- Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

+ Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

Toàn tỉnh xây dựng, triển khai 363 dự án, trong đó có 355 dự án chăn nuôi (lợn, bò, gà, dê, ong...), 08 dự án trồng trọt (cây cam, bưởi), triển khai thực hiện tại các địa phương với 4.812 hộ tham gia. Kết quả cho thấy các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đều phát huy hiệu quả; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và các nhóm đối tượng tham gia dự án nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

+ Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng: Tăng cường việc tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; số trẻ dưới 5 tuổi được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng: 2.186 trẻ, số trẻ được theo dõi và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng: 708 trẻ, số bà mẹ có con dưới 5 tuổi và bà mẹ mang thai được tư vấn dinh dưỡng: 4.668 người; tăng cường hoạt động chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc cho trẻ học đường (trẻ từ trên 5 tuổi đến dưới 16 tuổi), số trẻ được tư vấn dinh dưỡng: 24.498 trẻ, số trẻ suy dinh dưỡng được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng: 7140 trẻ.

- Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

+ Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

Tổ chức 41 lớp học nghề cho gần 1.100 lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Các chính sách đào tạo nghề cho lao động được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành từ Trung ương, tỉnh và sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các ngành, đoàn thể liên quan, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã mang lại kết quả khả quan, nhất là việc chọn lựa ngành, nghề phù hợp với nhu cầu của người lao động. Sau học nghề, nhiều người lao động có việc làm, có thu nhập ổn định; góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo theo mục tiêu xây dựng nông

thôn mới, tạo việc làm cho lao động nông thôn và từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ.

+ Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững

Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Hà Tĩnh đã phối hợp các huyện, thành phố, thị xã; các xã, phường, các đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức 02 hội chợ việc làm, 20 phiên giao dịch việc làm lưu động tại các địa phương, thu hút 3.534 lao động tham gia. Trong đó: (1) số người được tư vấn, giới thiệu việc làm tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh: 2.097 người; (2) số người được tư vấn tham gia các chương trình xuất khẩu lao động miễn phí tại Nhật Bản, Hàn Quốc: 976 người; (3) số người được tư vấn học nghề: 240 người.

- Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

+ Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin

Cấp tỉnh: đã tổ chức 07 lớp đào tạo nâng cao năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ truyền thông cấp huyện, cấp xã, số lượng 270 học viên tham gia. Tổ chức hợp tác truyền thông với 07 cơ quan báo chí và đơn vị truyền thông để sản xuất mới 41 sản phẩm truyền thông cung cấp các nội dung thông tin, kinh nghiệm, kiến thức chăn nuôi, làm giàu... với các nội dung thiết yếu để Nhân dân và xã hội tham khảo, ứng dụng đưa vào thực tiễn. Triển khai biên soạn và xuất bản 1.000 ấn phẩm tuyên truyền cung cấp thông tin thiết yếu cho người dân, góp phần giảm nghèo thông tin; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh được cấp 1.494 triệu đồng để thực hiện nhiệm vụ đặc thù theo chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa chữa, nâng cấp Cụm Thông tin đối ngoại tại Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo;

Cấp huyện, xã: đã tổ chức 22 lớp tập huấn cho 3.923 cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở. Thông qua tập huấn nhằm nâng cao công tác quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông; bồi dưỡng kiến thức về biên tập nội dung thông tin, tuyên truyền; kỹ năng khai thác và xử lý thông tin; kỹ năng sử dụng trang thiết bị kỹ thuật (máy ảnh và các thiết bị điện tử số) phục vụ cho công tác thông tin, tuyên truyền; sản xuất 22 video, phóng sự truyền hình, 154 chương trình phát thanh, 11 sản phẩm báo in, 39 sản phẩm báo điện tử và một số sản phẩm truyền thông khác.

+ Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

Công tác truyền thông về giảm nghèo được triển khai đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững như thông qua các tin, bài, phóng sự trên Tạp chí Lao động và Xã hội; Báo và Phát thanh truyền hình Hà Tĩnh; Đài truyền thanh cấp xã tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Hà Tĩnh chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng;

Tổ chức xây dựng 02 chương trình, 08 hội nghị tập huấn, đối thoại, 523 pano, băng rôn, 764 phóng sự, tin bài trên truyền hình, sản phẩm truyền thông, 123 bản tin truyền thanh, 47 bản tin truyền hình, 8.077 tờ rơi, tài liệu tuyên truyền, truyền thông

về giảm nghèo nhằm định hướng cho người dân tiếp cận, thụ hưởng Chương trình, dịch vụ xã hội cơ bản về dạy nghề, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

- Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

+ Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững) đã chủ trì tổ chức 13 - 15 hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo các cấp với gần 3.000 người tham gia. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đã tổ chức gần 200 hội nghị, tập huấn nâng cao năng lực, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ về công tác giảm nghèo cho 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

+ Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá

Tổ chức các hoạt động giám sát thường xuyên và định kỳ cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện Chương trình giảm nghèo; tổ chức các hoạt động kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất, nhằm kiểm tra việc chấp hành quy định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Theo đó cấp tỉnh tổ chức 01 - 02 đợt kiểm tra, giá sát/năm; cấp huyện, xã tổ chức 01 đợt/năm; tổ chức các hoạt động đánh giá định kỳ (bao gồm: đánh giá đầu kỳ, đánh giá giữa kỳ, và đánh giá cuối kỳ). Thực hiện chế độ thu thập thông tin, báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

*3.3. Kết quả thực hiện các chính sách đặc thù của tỉnh (bảo trợ, an sinh xã hội,....)*

- Chính sách hỗ trợ thu nhập cho thành viên hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội, hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công với cách mạng: hơn 14.600 lượt người với kinh phí trên 68 tỷ đồng trong đó: (1) Quỹ Thiện tâm – tập đoàn Vingroup: 53,550 tỷ đồng; (2) Nghị quyết số 72/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: hơn 14,767 tỷ đồng.

#### **4. Đánh giá chung**

Tỉnh đã tập trung thực hiện các nội dung chính sách giảm nghèo, nâng cao thu nhập và bảo đảm các chiều dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin và dịch vụ xã hội khác...). Ngoài các chính sách giảm nghèo do Trung ương quy định, tỉnh đã ban hành các chính sách giảm nghèo đặc thù của tỉnh, nổi bật là chính sách hỗ trợ thu nhập cho hộ nghèo thuộc chính sách người có công, người cao tuổi (kinh phí thực hiện khoảng 68 tỷ đồng). Các mô hình sinh kế, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã giúp hàng nghìn hộ dân thoát nghèo, tạo việc làm và thu nhập ổn định (hỗ trợ hơn 1.000 mô hình phát triển sản xuất phù hợp với người nghèo). Giai đoạn 2020-2025 đã hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 11.724 nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận

nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn, với tổng nguồn lực trên 836 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng 105 nhà văn hóa cộng đồng kết hợp tránh bão, lũ (với kinh phí trên 161 tỷ đồng).

## **5. Một số tồn tại, hạn chế**

- Mức giảm tỷ lệ giảm hộ nghèo trên địa bàn tỉnh còn thấp so với tỷ lệ chung của toàn quốc, nguy cơ tái nghèo còn cao.

- Công tác chỉ đạo, triển khai một số dự án tại địa phương vẫn đang chậm; việc triển khai thực hiện một số chương trình, dự án, đặc biệt một số dự án hỗ trợ sản xuất, nhân rộng mô hình được triển khai ở các địa phương hiệu quả chưa được cao; các mô hình, dự án triển khai chậm, thường diễn ra vào cuối năm, cuối giai đoạn ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện. Một số mô hình cây, con, giống chưa phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương; chưa phát huy hết tính tự chủ, tham gia tích cực của các hộ dân.

- Việc thực hiện các giải pháp giảm nghèo ở các địa phương chưa tập trung vào các nội dung cụ thể và nhu cầu thực tế để giảm mức độ thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân.

## **6. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm**

### *6.1. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế*

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững chưa quyết liệt, chưa thật sự sâu sát. Một số hộ nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại để được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, thiếu nỗ lực vươn lên.

- Một số địa phương còn gặp nhiều lúng túng trong công tác thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo khi triển khai.

- Tỉnh Hà Tĩnh thực hiện Đề án thí điểm tỉnh xây dựng nông thôn mới, bên cạnh đó các chính sách an sinh xã hội ngày càng được thực hiện tốt do đó người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, nhà ở, vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin, hỗ trợ khám chữa bệnh...) do đó nhóm hộ nghèo của Hà Tĩnh cơ bản là những hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội, không có khả năng lao động (Hà Tĩnh có 70,7% hộ nghèo không có khả năng lao động, 40,9% hộ cận nghèo không có khả năng lao động).

### *6.2. Bài học kinh nghiệm*

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự điều hành của chính quyền và huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và Nhân dân thực hiện chính sách giảm nghèo theo hướng bền vững.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm làm chuyển biến về nhận thức của người dân trong công tác giảm nghèo, ý thức được trách nhiệm của mình, từ đó tự vươn lên thoát nghèo, tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước.

- Thực hiện lồng ghép tốt các chương trình, dự án, nguồn vốn để thực hiện mục tiêu giảm nghèo, bằng một cơ chế chỉ đạo tập trung thống nhất từ cấp tỉnh đến cơ sở.

- Xác định rõ nguyên nhân nghèo của từng địa phương, từ đó xây dựng chương trình, kế hoạch giảm nghèo với những giải pháp phù hợp, đúng hướng, giúp người nghèo vươn lên thoát nghèo.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo để kịp thời có các giải pháp hỗ trợ các địa phương khắc phục những tồn tại, khó khăn.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng nhân rộng mô hình giảm nghèo với phương châm mỗi địa phương có một mô hình hiệu quả; phát huy hệ thống dạy nghề, tập trung ngành nghề gắn với thực tiễn sản xuất, nhu cầu học nghề của từng đối tượng và nhu cầu việc làm; tổ chức sơ, tổng kết kịp thời.

## **II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU GIẢM NGHEO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

### **1. Mục tiêu chung**

Giảm nghèo đa chiều bền vững gắn với nâng cao chất lượng nông thôn mới; đảm bảo người dân vùng nghèo tiếp cận đầy đủ dịch vụ thiết yếu: hạ tầng cơ bản, việc làm, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, môi trường; tạo sinh kế ổn định, từng bước hình thành mô hình làng nghề, cụm liên kết sản xuất gắn với nông thôn mới, góp phần hạn chế tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo mới, tăng năng lực nội sinh cộng đồng.

### **2 Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030**

Phân đầu mức giảm tỷ lệ nghèo đa chiều trên địa bàn toàn tỉnh từ 1,5%/năm trở lên.

### **3. Những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm**

3.1. Tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ, kịp thời các chính sách giảm nghèo, cụ thể: Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế, hỗ trợ học tập, hỗ trợ tiền điện, trợ giúp pháp lý, vốn vay ưu đãi từ ngân hàng chính sách xã hội, bảo trợ xã hội...

3.2. Đẩy mạnh xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả theo phương châm mỗi địa phương có ít nhất một mô hình sinh kế phù hợp, bền vững, có khả năng duy trì và phát triển sau hỗ trợ. Ưu tiên các mô hình gắn với lợi thế địa phương và nhu cầu thị trường; hạn chế các mô hình mang tính thời vụ, thiếu tính ổn định, không phát huy hiệu quả sau khi kết thúc dự án.

3.3. Hằng năm, tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo, trong đó phân loại theo các nhóm đối tượng không có khả năng lao động, có khả năng lao động, phân tích nguyên nhân từ đó đề ra giải pháp giảm nghèo đối với từng hộ gia đình: Hỗ trợ phát triển sản xuất, nhà ở, công trình vệ sinh, nước sạch, đào tạo nghề, tạo việc làm, hỗ trợ thu nhập...nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người nghèo, đạt mục tiêu vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều, phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo. Cụ thể:

- Đối với nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động

+ Bảo đảm 100% đối tượng được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là: thẻ bảo hiểm y tế, nhà ở, nước sạch, vệ sinh, thông tin.

+ Kịp thời thực hiện chế độ trợ giúp xã hội: Rà soát các trường hợp đủ điều kiện nhưng chưa được hưởng hoặc hưởng chưa đúng mức để điều chỉnh, đảm bảo 100% đối tượng đủ điều kiện được hưởng các chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất theo quy định. Thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc đối với trẻ em thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động

+ Tham mưu chính sách hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho người bị bệnh hiểm nghèo, người cao tuổi, trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, nhưng chưa được hưởng bất cứ chính sách gì, kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh.

+ Ngoài kinh phí hỗ trợ từ ngân sách theo quy định, tổ chức vận động, kêu gọi xã hội hóa nhằm huy động sức mạnh của cộng đồng xã hội để hỗ trợ về thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động. Phát động phong trào gia đình, con cháu cùng chung tay với các doanh nghiệp, các doanh nhân, các nhà hảo tâm, các tổ chức, cá nhân, các tổ chức đoàn thể nhận chăm sóc, đỡ đầu, hỗ trợ về thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động.

- *Đối với nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng lao động*

+ Đào tạo nghề và chuyển đổi việc làm bền vững: Tuyên truyền, vận động người dân chủ động tham gia học nghề, tìm kiếm việc làm, phát triển sinh kế, từng bước khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ. Đẩy mạnh đào tạo nghề ngắn hạn, nghề phi nông nghiệp cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh.

+ Hỗ trợ phát triển sinh kế: Hàng năm, trên cơ sở kết quả rà soát, phân loại cụ thể nhu cầu hỗ trợ giảm nghèo theo từng nhóm đối tượng nghèo đa chiều, cần chủ động xây dựng định hướng, chương trình và kế hoạch hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương; trong đó xác định rõ lộ trình thực hiện theo từng giai đoạn, gắn với từng loại hình sinh kế cụ thể, có khả năng phát triển ổn định và tạo thu nhập lâu dài cho người dân (như phát triển các loại cây trồng chủ lực như dứa, cam, bưởi...). Đồng thời, việc lựa chọn và triển khai các mô hình hỗ trợ phải bảo đảm tính liên kết, khả năng nhân rộng và phù hợp với thị trường tiêu thụ; hạn chế tối đa các mô hình mang tính thời vụ, ngắn hạn, thiếu định hướng lâu dài, dẫn đến hiệu quả thấp và khó duy trì sau khi kết thúc hỗ trợ.

Song song với đó, tiếp tục triển khai hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận nguồn nước sạch hợp vệ sinh, ưu tiên các xã vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn.

Hỗ trợ xây dựng, cải tạo công trình vệ sinh hộ gia đình (nhà tiêu hợp vệ sinh, công trình xử lý nước sinh hoạt), góp phần nâng cao điều kiện sống và bảo vệ sức khỏe người dân. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn hộ nghèo sử dụng, bảo quản và duy trì công trình nước sạch, vệ sinh, nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

#### **4. Tổ chức thực hiện**

##### **4.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Là cơ quan chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện các chính

sách giảm nghèo, hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện các giải pháp giảm nghèo đối với nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng lao động, không có khả năng lao động; định kỳ kiểm tra, đánh giá và báo cáo UBND tỉnh.

- Chủ trì triển khai các giải pháp hỗ trợ phát triển sinh kế trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; hướng dẫn, tổ chức thực hiện hỗ trợ nước sạch, công trình vệ sinh cho hộ nghèo; lồng ghép với Chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án có liên quan.

- Hướng dẫn các xã, phường rà soát, phê duyệt hộ nghèo, hộ cận nghèo, trong đó tách nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng lao động và không có khả năng lao động.

- Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi phối hợp với Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường hướng dẫn, tổ chức thực hiện hỗ trợ nước sạch đối với các xã, phường đã có hệ thống cấp nước tập trung.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức rà soát, thống kê các trường hợp hộ nghèo không có khả năng lao động (người bị bệnh hiểm nghèo, người cao tuổi, trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ) nhưng chưa được hưởng bất cứ chính sách gì; tổng hợp kết quả rà soát gửi Sở Y tế để làm cơ sở nghiên cứu, tham mưu đề xuất chính sách hỗ trợ.

**4.2. Sở Tài chính:** Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp để thực hiện các giải pháp hỗ trợ sinh kế, nước sạch, công trình vệ sinh (nếu có) đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

**4.3. Sở Giáo dục và Đào tạo:** Chủ trì chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp với UBND cấp xã đào tạo kỹ năng, nghề ngắn hạn gắn với nhu cầu thị trường lao động.

**4.4. Sở Nội vụ:** Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh phối hợp với UBND các xã, phường triển khai các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, tuyển dụng lao động, trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo

**4.5. Sở Y tế:** Trên cơ sở kết quả rà soát, thống kê do Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp để chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan nghiên cứu, tham mưu đề xuất chính sách hỗ trợ thu nhập giai đoạn 2026-2030 đối với hộ nghèo không có khả năng lao động (người bị bệnh hiểm nghèo, người cao tuổi, trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ) chưa được hưởng bất cứ chính sách gì.

**4.6. Ngân hàng chính sách chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh:** Tổ chức cho vay đúng đối tượng theo các chương trình tín dụng ưu đãi do Chính phủ quy định (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các nhóm chính sách khác)

#### **4.7. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2026 đảm bảo khách quan, chính xác, đúng thực trạng, làm rõ nguyên nhân dẫn đến nghèo của từng hộ, nhóm hộ để có giải pháp hỗ trợ phù hợp và hiệu quả phân loại hộ nghèo cụ thể theo các nhóm tiêu chí, từ đó đề ra các biện pháp thích hợp để giảm nghèo.

- Kịp thời thực hiện chế độ bảo trợ xã hội: Rà soát các trường hợp đủ điều kiện nhưng chưa được hưởng hoặc hưởng chưa đúng mức để điều chỉnh, đảm bảo

100% đối tượng đủ điều kiện được hưởng các chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất theo quy định. Thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc đối với trẻ em thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động

Tập trung nguồn lực ưu tiên đầu tư công trình giao thông, nhà ở, nước sạch, nhà vệ sinh cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, tạo điều kiện để người nghèo tiếp cận được nguồn vốn, tổ chức hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho hộ nghèo; hỗ trợ người nghèo tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, ưu tiên các dịch vụ thuộc nội dung giảm nghèo đa chiều như: việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, vệ sinh, thông tin...

Trên cơ sở kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định nhu cầu sinh kế thực tế và khả năng tham gia mô hình của người dân, đề xuất và tổ chức thực hiện các dự án, mô hình sinh kế phù hợp. Hằng năm, mỗi xã/phường phấn đấu thực hiện ít nhất từ 02-03 mô hình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế cho người nghèo. Phân công cán bộ theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ người dân trong quá trình thực hiện; phối hợp với các phòng, ban chuyên môn và tổ chức đoàn thể để triển khai hiệu quả. Thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả mô hình; kịp thời điều chỉnh các mô hình không phù hợp; đánh giá kết quả gắn với cải thiện thu nhập và khả năng thoát nghèo bền vững.

Tập trung huy động và điều phối hiệu quả nguồn lực để hỗ trợ thu nhập cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động từ nguồn xã hội hóa...ưu tiên hỗ trợ thường xuyên, dài hạn cho các trường hợp đặc biệt khó khăn. Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa để chăm lo chu đáo đời sống vật chất và tinh thần, tổ chức tặng quà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán hằng năm, đảm bảo mọi nhà, mọi người đều có điều kiện vui xuân, đón Tết.

Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm: Nhà tạm, dột nát cần xây mới hoặc nhà xuống cấp cần sửa chữa; kêu gọi vận động xã hội hóa để hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; khuyến khích đối ứng từ gia đình, dòng họ, cộng đồng để nâng cao trách nhiệm và chất lượng công trình. Đối với các trường hợp còn vướng mắc về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổ chức rà soát kỹ lưỡng, xác định rõ nguồn gốc, hiện trạng và hồ sơ pháp lý liên quan đến đất ở. Trên cơ sở đó, phân loại từng trường hợp cụ thể để có phương án xử lý, hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ, tháo gỡ khó khăn cho các đối tượng đủ điều kiện.

Tổ chức rà soát, lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có hoặc có công trình vệ sinh không đạt chuẩn. Xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm, xác định rõ số lượng hộ, tiến độ, nhu cầu kinh phí và nguồn đối ứng của hộ gia đình. Chủ động kêu gọi nguồn lực xã hội hóa, đồng thời lồng ghép với các nguồn vốn ngân sách (nếu có) theo đúng quy định để hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Việc huy động và sử dụng nguồn lực cần bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch và phát huy hiệu quả thiết thực trong cải thiện điều kiện sống của người dân.

Khảo sát, đánh giá nhu cầu học nghề của người nghèo, cận nghèo, nhất là nhu cầu học nghề của thanh niên, phụ nữ, người khuyết tật...; khảo sát nhu cầu của thị trường và khả năng tiếp nhận lao động nghèo sau đào tạo của các doanh

ng nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; xây dựng kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo nghề ngắn hạn phù hợp để người nghèo có thể tự tạo việc làm, ưu tiên các nghề có thể tự tạo việc làm tại chỗ hoặc tìm việc làm trên thị trường lao động và đi lao động ở nước ngoài.

#### **4.8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, doanh nghiệp và người dân hưởng ứng các hoạt động “Vì người nghèo” và “Phong trào thi đua “Hà Tĩnh vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Chủ trì, phát động tháng cao điểm “Vì người nghèo”; vận động ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” để tạo nguồn lực hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững, góp phần đảm bảo công tác an sinh xã hội trên địa bàn.

- Tiếp tục vận động nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ xây dựng mới, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn.

#### **5. Khái toán nguồn kinh phí đầu tư giai đoạn 2026-2030**

- Lòng ghép các chương trình, dự án ngân sách Trung ương: Thực hiện Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, giai đoạn 2026-2030, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hợp nhất với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Dự kiến tổng nhu cầu nguồn lực huy động thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030: 18.806 tỷ đồng, trong đó:

+ Tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp và ngân sách địa phương: 7.207 tỷ đồng, chiếm 38,3%.

+ Vốn tín dụng chính sách: 414 tỷ đồng, chiếm 2,2%.

+ Vốn lòng ghép từ các chương trình MTQG, chương trình, dự án khác: 6492 tỷ đồng, chiếm 34,5 %.

+ Vốn doanh nghiệp và huy động đóng góp tự nguyện của cộng đồng và người dân: 4704 tỷ đồng, chiếm 25%./.

**CHI CỤC TRƯỞNG  
CHI CỤC PTNT VÀ QLCL**

**Trần Mạnh Cường**